TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/02/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ,TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Bùi Lê Phương Thảo.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trương Công Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 786/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022; về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Anh H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn L2, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn L2, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án nhân dân thành phố Huế, nguyên đơn ông Hà Anh H trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Trần Thị Đ quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V (nay là phường P, thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/3/2006. Sau khi chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, bà Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình mà thường xuyên ghen tuông vô cớ, Nếu lần bỏ đi khỏi nhà mà không rõ lý do. Chỉ một vấn đề nhỏ xảy ra trong gia

đình cũng khiến vợ chồng cãi nhau, Nhiều lần có xảy ra xô xát. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Hiện nay cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay ông H thấy không còn tình cảm với bà Đ nên ông Hà Anh H yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Đ.

[2] Về con chung: Ông Hà Anh H và bà Trần Thị Đ xác nhận vợ chồng có 02 ngýời con chung là cháu Hà Yến N, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Hà Anh H, sinh ngày 02/7/2008. Hiện các cháu đều đang ở với ông H. Ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai đến tuổi trưởng thành. Hiện ông H đang làm tài xế, mỗi tháng thu nhập khoảng 15.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hà Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ cố tình không đến nên không có lời khai và không hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hà Anh H, xử cho ông H được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

- Về con chung: Giao cả 02 người con chung là cháu Hà Yến N, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Hà Anh H, sinh ngày 02/7/2008 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả

kháng nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị Đ không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Toà án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của ông Hà Anh H, kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, ý kiến của chính quyền địa phương nơi ông H, bà Đ sinh sống và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ông Hà Anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V (nay là phường P, thành phố Huế) vào ngày 27 tháng 3 năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do bà Đ không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng bà Đ vẫn không đến Toà án làm việc. Điều này thể hiện bà Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ bỏ hôn nhân. Phía ông Hà Anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Hà Anh H và bà Trần Thị Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H xin ly hôn với bà Đ là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hà Anh H.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Hà Yến N, sinh ngày 01/02/2006 và Hà Anh H, sinh ngày 02/7/2008. Ông H có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành. Cả hai cháu hiện đang ở cùng với ông H và đều có nguyện vọng được ở với ba. Ông H đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu nên cần giao các cháu N, H cho ông Hà Anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hà Anh H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Hà Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Anh H.

- Về hôn nhân: Ông Hà Anh H được ly hôn với bà Trần Thị Đ.

- Về việc nuôi con chung: Giao các cháu Hà Yến N, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Hà Anh H, sinh ngày 02/7/2008 cho ông Hà Anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Trần Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hà Anh H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0004708 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh T.T.Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường Phú Thượng, thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hằng